

Bản án số: 130 /2021/DS - ST

Ngày: 27 - 9 - 2021

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp thanh toán hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2021/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/QĐST – DS, ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 14, xã H.Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (hợp đồng ủy quyền ngày 22/6/2021); “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 và chị Bùi Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 4, xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 14, xã H.Q, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “có đơn xin mặt”.

- Người làm chứng: Chị Mai Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 11, xã H.S, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày:

Gia đình ông T kinh doanh buôn bán gỗ, có giấy phép kinh doanh từ năm 2004. Tuy nhiên khi mua bán hàng không xuất hóa đơn mà chỉ ghi sổ theo dõi đối với khách hàng thường xuyên giao dịch. Việc giao dịch và thanh toán tiền gia đình ông giao cho con gái là Mai Thị H theo dõi, thanh quyết toán với khách hàng. Trong sổ khách hàng mua gỗ của gia đình ông có vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N. Vì là khách hàng thường xuyên nên có lúc lấy gỗ vợ chồng anh T thanh toán ngay, có lúc nợ lại. Tính đến ngày 25/11/2020 vợ chồng anh T còn nợ vợ chồng ông số tiền 307.270.000 đồng. Vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T trả nợ nhưng anh chị đều khất nần. Anh T đi miền Nam làm ăn, chị N ở nhà. Ngày 10/02/2021, chị H (con gái ông) đã nhắn tin qua zalo số điện thoại 0987.854.969 của anh T thông báo số tiền nợ 307.270.000 đồng cho anh T biết, anh T đã xác nhận. Ngày 11/02/2021, ông T và chị N đã chốt nợ bằng “Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ”, hai bên đã thống nhất số tiền hàng vợ chồng anh T, chị N còn nợ là 307.270.000 đồng và thỏa thuận trả hết số tiền này trước ngày 14/02/2021, nếu chậm trả thì sẽ phải trả lãi hàng tháng là 2.500.000đồng/tháng, chị N đã ký xác nhận vào bản cam kết này. Nhưng từ đó đến nay vợ chồng anh T chưa thanh toán khoản tiền gốc nào. Ngày 16/5/2021 anh chị mới chuyển khoản trả 4.000.000 đồng tiền lãi. Nay ông T yêu cầu vợ chồng anh T, chị N phải trả số tiền 307.270.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong bản cam kết.

Tại đơn gửi Tòa án đề ngày 19/6/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N trình bày:

Vợ chồng anh T có mua gỗ của vợ chồng ông T để làm hàng bán cho người khác và đến nay còn nợ tiền mua gỗ của ông T như ông T trình bày ở trên là đúng. Do công việc làm ăn không thuận lợi, bị thua lỗ nên anh chị không có khả năng trả nợ hết một lần cho ông T được và xin trả dần và theo lãi ngân hàng và ông T đã đồng ý. Chị N đã ký giấy xác nhận nợ và cam kết trả lãi hàng tháng. Hiện nay vợ chồng anh T, chị N đã phải bán nhà mà không đủ trả nợ vì ngoài nợ ông T, còn nợ nhiều người khác nữa nên vợ chồng anh phải đi làm ăn ở xa mới có tiền gửi trả ông T nên không trả nợ gốc và lãi cho ông T như đã hứa.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh T, chị N đến Tòa án làm việc theo quy định pháp luật nhưng anh chị đều vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản xin vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 6 năm 2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà nhất trí với lời trình bày của ông T. Vợ chồng anh T, chị N mua gỗ của vợ chồng bà và đến nay còn nợ số tiền 307.270.000 đồng là đúng. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh T, chị N phải trả số tiền nợ gốc là 307.270.000 đồng và tiền lãi như hai bên đã cam kết trong văn bản ngày 11/02/2021, thời điểm tính lãi kể từ ngày 14/02/2021 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trừ đi 4.000.000 đồng anh T đã chuyển khoản trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 6 năm 2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng chị Mai Thị H trình bày:

Chị được bố mẹ giao cho việc theo dõi, thanh quyết toán với khách hàng. Trong số khách hàng mua gỗ của bố mẹ chị có vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N. Sau mỗi lần lấy gỗ vợ chồng anh T và chị đều chốt số tiền, khi thì anh T thanh toán hết, khi thì nợ lại và xác nhận nợ vào sổ theo dõi do chị H quản lý. Tính đến ngày 25/11/2020 anh T còn nợ bố mẹ chị số tiền mua gỗ là 307.270.000 đồng. Ngày 10/02/2021, chị H đã nhắn tin qua zalo số điện thoại 0987.854.969 của anh T thông báo số tiền nợ 307.270.000 đồng cho anh T biết, anh T đã xác nhận “ok”. Ngày 11/02/2021, ông T và chị N đã chốt nợ bằng “Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ” số tiền 307.270.000 đồng. Ngày 16/5/2021 anh T chuyển trả số tiền 4.000.000 đồng lãi vào tài khoản của chị.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N cùng phải có trách nhiệm trả vợ chồng ông Mai Văn T, bà Nguyễn Thị H số tiền mua tài sản còn nợ là 307.270.000 đồng và tiền lãi như các bên đã thỏa thuận trừ đi số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 14/02/2021 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Mai Văn T vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị S. Bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét số tiền 307.270.000 đồng ông Mai Văn T yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N phải trả xuất phát từ việc anh T, chị N mua gỗ của vợ chồng ông T chưa trả. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; bị đơn là anh T và chị N có hộ khẩu thường trú tại xóm 4, xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[3] Về nội dung vụ việc: Căn cứ vào lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ việc thấy việc anh T, chị N có mua gỗ của vợ chồng ông T, bà H và chưa thanh toán hết tiền mua gỗ là đúng. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là bản trích sổ theo dõi nợ có chữ ký của anh T, biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 11/02/2021 có chữ ký của ông T chị N, việc trao đổi xác nhận nợ giữa chị H với anh T qua zalo vào ngày 10/02/2021 có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng anh T, chị N còn nợ tiền mua gỗ của ông T, bà H là 307.270.000 đồng. Hai bên đã chốt nợ và cam kết thời hạn trả nợ là ngày 14/02/2021 nhưng đến nay vợ chồng anh T chị N chưa trả số tiền này. Ngoài bản cam kết ngày 14/02/2021, hai bên không có văn bản nào khác thỏa thuận phương thức, thời hạn thanh toán tiền.

[4] Về trách nhiệm thanh toán tiền:

[4.1] Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy vợ chồng anh T và chị N chưa thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 307.270.000 đồng cho vợ chồng ông T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự là bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo đúng thời hạn. Do đó yêu cầu của ông T buộc vợ chồng anh T phải trả số tiền 307.270.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Tại “Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ” ngày 11/02/2021, ông T và chị N đã thống nhất nếu trước ngày 14/02/2021 vợ chồng anh T không trả số tiền 307.270.000 đồng thì phải trả tiền lãi là 2.500.000đồng/tháng, tương đương 0,813%/tháng, 9,76%/năm. Ông T yêu cầu vợ chồng anh T, chị N phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất này. Tại đơn trình bày ngày 19/6/2021, anh T chị N cũng thừa nhận trả lãi hàng tháng theo lãi suất của Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong bản cam kết phù hợp với lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc vợ chồng anh T phải thanh toán tiền lãi theo mức

lãi suất 0,813%/tháng. Anh T, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 14/02/2021 nên tiền lãi được tính từ ngày này đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2021 là: 307.270.000 đồng x 0,813%/tháng x 7 tháng 13 ngày = 18.568.000đồng.

Ngày 16/05/2021, anh T chị N đã thanh toán số tiền 4.000.000đồng, số tiền lãi anh chị còn phải trả cho ông T, bà H là: 14.568.000đ (mười bốn triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

[4.3] Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 440 Bộ luật Dân sự buộc vợ chồng anh T, chị N phải cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T, bà H số tiền 321.838.000đ (ba trăm hai mươi một triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 307.270.000 đồng, tiền lãi là 14.568.000đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N cùng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 440 và 468 Bộ luật Dân sự;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N cùng có trách nhiệm trả vợ chồng ông Mai Văn T, bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 321.838.000đ (ba trăm hai mươi một triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 307.270.000 đồng, tiền lãi là 14.568.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 13 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N cùng phải nộp số tiền 16.090.000đ (mười sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai Văn T được nhận lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2017/0002667 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Mai Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Đê Nguyễn Văn Hóa

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng